

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH
NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày tháng 11 năm 2021.

Số: /LĐLĐ

V/v báo cáo hoạt động công đoàn năm 2021,
nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

**Kính gửi: - Các Ban Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố, Công đoàn
ngành, Công đoàn Các khu Công nghiệp.**

Thực hiện Công văn số 2944/TLĐ-VP, ngày 26/10/2021 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc báo cáo hoạt động công đoàn năm 2021, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022; Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh đề nghị các Ban Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn Các khu Công nghiệp xây dựng Báo cáo tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động công đoàn năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022, cụ thể:

- Về đánh giá tình hình, kết quả hoạt động năm 2021, các đơn vị xây dựng Báo cáo tóm tắt, đánh giá ngắn gọn, đầy đủ trên các lĩnh vực hoạt động và thể hiện rõ kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra (có so sánh cùng kỳ năm trước), nhất là các chỉ tiêu của Liên đoàn Lao động tỉnh giao năm 2021; đồng thời, thống kê đầy đủ số liệu vào biểu tổng hợp gửi kèm.

- Về phương hướng, nhiệm vụ năm 2022, trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2021, các đơn vị xác định phương hướng mục tiêu, các chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2022 trên từng lĩnh vực hoạt động để thực hiện; trong đó, cần thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu của Liên đoàn Lao động tỉnh giao hàng năm.

Đề nghị các đơn vị khẩn trương thực hiện, gửi báo cáo về Liên đoàn Lao động tỉnh **chậm nhất đến ngày 12/11/2021**, để tổng hợp báo cáo Tổng Liên đoàn./.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Website LĐLĐ tỉnh;
- Lưu VP.

Nguyễn Hữu Hòa

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN NĂM 2021*(Số liệu tính đến ngày 31/10/2021)**(Kèm theo Công văn số /LĐLĐ ngày /10/2021)*

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện	Kết quả so chỉ tiêu LĐLĐ tỉnh giao (tỷ lệ %)
I. Tình hình CNVCLĐ và việc thực hiện một số chính sách quan trọng đối với người lao động.				
1. Tiền lương của người lao động.				
1.	Số DN nợ lương người lao động	DN		
2.	Số tiền lương DN nợ người lao động	triệu đồng		
2. Thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.				
3.	Số DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	DN		
4.	Số tiền DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	triệu đồng		
3. Tranh chấp lao động tập thể, đình công.				
5.	Số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra, trong đó:	vụ	0	
6.	+ DN nhà nước	vụ	0	
7.	+ DN ngoài nhà nước	“	0	
8.	+ DN có vốn đầu tư nước ngoài	“	0	
4. Công tác an toàn, vệ sinh lao động.				
9.	Số vụ tai nạn lao động, trong đó:	vụ		
10.	+ DN có công đoàn	“		
11.	+ DN không có công đoàn	“		
12.	Số người bị tai nạn lao động, trong đó:	người		
13.	+ DN có công đoàn	“		
14.	+ DN không có công đoàn	“		
15.	Số vụ tai nạn lao động chết người, trong đó:	vụ		
16.	+ DN có công đoàn	“		
17.	+ DN không có công đoàn	“		
18.	Số người chết vì tai nạn lao động, trong đó:	người		
19.	+ DN có công đoàn	“		
20.	+ DN không có công đoàn	“		
21.	Số người mắc bệnh nghề nghiệp, trong đó:	người		
22.	+ Số người mắc mới trong kỳ báo cáo	“		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện	Kết quả so chỉ tiêu LDLĐ tỉnh giao (tỷ lệ %)
23.	Số DN có thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên	DN		
24.	Số an toàn vệ sinh viên	người		
II. Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.				
	1. Thỏa ước lao động tập thể.			
25.	Số DN có thỏa ước lao động tập thể, trong đó:	DN		
26.	+ DN nhà nước	“		
27.	+ DN ngoài nhà nước	“		
28.	+ DN có vốn đầu tư nước ngoài	“		
	2. Thực hiện quy chế dân chủ.			
29.	Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tổ chức hội nghị CB,CC,VC	đơn vị		
30.	Số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đã tổ chức hội nghị CB,CC,VC	“		
31.	Số DN nhà nước đã tổ chức hội nghị NLĐ	DN		
32.	Số DN ngoài nhà nước đã tổ chức hội nghị NLĐ	“		
33.	Số DN Nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc, trong đó:	“		
34.	+ Đối thoại định kỳ	cuộc		
35.	+ Đối thoại đột xuất	“		
36.	Số DN ngoài nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc, trong đó:	“		
37.	+ Đối thoại định kỳ	cuộc		
38.	+ Đối thoại đột xuất	“		
39.	Số cơ quan, đơn vị, DN đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở, trong đó:	đơn vị, DN		
40.	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	đơn vị		
41.	+ DN nhà nước	DN		
42.	+ DN ngoài nhà nước	“		
	3. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.			
	+ Số cuộc công đoàn chủ trì giám sát	Cuộc		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện	Kết quả so chỉ tiêu LDLĐ tỉnh giao (tỷ lệ %)
	+ Số cuộc công đoàn tham gia giám sát	“		
	+ Số cuộc hội nghị phản biện	“		
4. Công tác tư vấn pháp luật, đại diện bảo vệ tại tòa án.				
43.	Số người được tư vấn pháp luật	lượt người		
44.	Số người được bảo vệ tại tòa án	người		
5. Chăm lo lợi ích đoàn viên và người lao động.				
45.	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	lượt người		
46.	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	triệu đồng		
47.	Số thỏa thuận hợp tác được ký mới trong kỳ báo cáo	bản		
48.	Số đoàn viên và người lao động được thụ hưởng chương trình “Phúc lợi cho đoàn viên và người lao động”	lượt người		
49.	Số tiền hưởng lợi	triệu đồng		
50.	Công đoàn cơ sở DN thương lượng với người sử dụng lao động điều chỉnh bữa ăn ca lên bằng hoặc cao hơn 15.000 đồng	đơn vị		
51.	Quỹ xã hội công đoàn (do đoàn viên, người lao động đóng góp và các tổ chức, cá nhân tài trợ), trong đó:			
52.	+ Số tiền vận động được trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
53.	+ Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà “Mái ấm Công đoàn”	nhà		
54.	+ Số tiền hỗ trợ xây mới, sửa chữa	triệu đồng		
55.	Quỹ trợ vốn (chương trình, dự án tài chính vi mô), trong đó:			
56.	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
57.	+ Số người được cho vay	người		
58.	Quỹ quốc gia về việc làm			
59.	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng		
60.	+ Số người được cho vay	người		
III. Công tác thi đua, khen thưởng.				

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện	Kết quả so chỉ tiêu LDLĐ tỉnh giao (tỷ lệ %)
	1. Sáng kiến.			
61.	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến		
62.	Giá trị làm lợi	triệu đồng		
63.	Tiền thưởng sáng kiến	“		
	2. Công trình sản phẩm thi đua.			
64.	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	công trình, sản phẩm		
65.	Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	triệu đồng		
66.	Số người đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	người		
IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục.				
67.	Số đoàn viên, người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết của Công đoàn	lượt người		
68.	Số đoàn viên, người lao động được tham gia hoạt động văn hoá, thể thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức	“		
69.	Số đoàn viên, người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	“		
V. Công tác nữ công.				
70.	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thành lập ban nữ công quần chúng	đơn vị		
71.	Số công đoàn cơ sở khu vực hành chính, sự nghiệp; DN nhà nước có từ 10 nữ đoàn viên trở lên; trong đó:	CĐCS		
	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
72.	+ Số ban nữ công quần chúng thành lập mới trong kỳ báo cáo	“		
73.	Số công đoàn cơ sở khu vực DN ngoài nhà nước có từ 10 nữ đoàn viên trở lên, trong đó:	CĐCS		
74.	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
75.	+ Số ban nữ công quần chúng thành lập mới trong	“		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện	Kết quả so chỉ tiêu LDLĐ tỉnh giao (tỷ lệ %)
	<i>kỳ báo cáo</i>			
76.	Tổng số ủy viên ban nữ công quần chúng, trong đó:			
77.	+ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	người		
78.	+ Công đoàn cơ sở khu vực hành chính, sự nghiệp; DN nhà nước	“		
79.	+ Công đoàn cơ sở khu vực DN ngoài nhà nước	người		
80.	Số người được khen thưởng phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, trong đó:	người		
81.	+ Khu vực hành chính, sự nghiệp và DN nhà nước	“		
82.	+ Khu vực ngoài nhà nước	“		
VI. Công tác kiểm tra, tài chính.				
83.	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đã tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính cùng cấp trong kỳ	đơn vị		
84.	Số DN thực hiện việc nộp kinh phí công đoàn qua tài khoản Công đoàn Việt Nam trong kỳ báo cáo	DN		
VII. Công tác tổ chức.				
	<i>1. Tổng số CNVCLĐ, đoàn viên công đoàn, công đoàn cơ sở.</i>			
85.	Tổng số CNVCLĐ	người		
86.	Tổng số đoàn viên công đoàn, trong đó:	đoàn viên		
87.	+ Tổng số đoàn viên kết nạp mới	“		
88.	+ Tổng số đoàn viên giảm	“		
89.	+ Tổng số đoàn viên tăng (giảm thực tế)	“		
90.	Tổng số công đoàn cơ sở, trong đó:	CĐCS		
91.	+ Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	“		
92.	+ DN nhà nước	“		
93.	+ DN ngoài nhà nước	“		
94.	+ DN có vốn đầu tư nước ngoài	“		
95.	+ Nghiệp đoàn	NĐ		
96.	Số DN có 25 công nhân lao động trở lên, trong đó:	DN		
97.	+ Số DN đã thành lập công đoàn cơ sở	“		
98.	Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	đơn vị		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện	Kết quả so chỉ tiêu LDLĐ tỉnh giao (tỷ lệ %)
	2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng.			
99.	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	lượt người		
100.	Tổng số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	“		
	3. Giới thiệu đoàn viên công đoàn ưu tú cho Đảng bồi dưỡng xem xét, kết nạp.			
101.	Số đoàn viên công đoàn ưu tú được công đoàn cơ sở giới thiệu cho tổ chức Đảng xem xét, kết nạp	người		
102.	Số đoàn viên công đoàn ưu tú do công đoàn cơ sở giới thiệu được kết nạp vào Đảng	“		
103.	4. Chất lượng hoạt động công đoàn các cấp.			
104.	Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó:	đơn vị		
105.	+ Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	“		
106.	Tổng số công đoàn cơ sở khu vực nhà nước hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó:	CĐCS		
107.	+ Số công đoàn cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	“		
108.	Tổng số công đoàn cơ sở ngoài khu vực nhà nước hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó:	CĐCS		
109.	+ Số công đoàn cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	“		

